

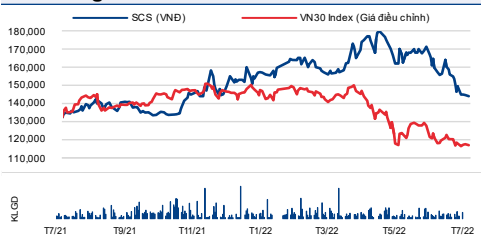
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ200,000
Tiềm năng tăng/giảm: 37.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (19/7/2022)	145,000
Mã Bloomberg	SCS VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	133,500-180,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	144,533
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	7,358
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	314
Slg CP lưu hành (tr.đv)	50.7
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	17.4
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1.70
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	27.1%
Tỷ lệ freefloat	37.4%
Cổ đông lớn	Gemadep (31.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-21A	12-22F	12-23F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	839	898	1,057
EBITDA đc (tỷ đồng)	660	733	867
LNTT (tỷ đồng)	605	697	831
LNT ĐC (tỷ đồng)	524	604	696
FCF (tỷ đồng)	586	655	560
EPS ĐC (đồng)	9,648	11,201	12,997
DPS (đồng)	3,000	5,000	5,000
BVPS (đồng)	24,619	32,938	41,072
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	19.4	11.2	18.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	22.9	16.0	16.0
Tăng trưởng DPS (%)	(62.5)	66.7	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	78.6	81.6	82.0
Tỷ suất LNTT (%)	72.1	77.6	78.6
Tỷ suất LNT ĐC (%)	67.2	72.2	70.7
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	28.8	41.3	35.6
Nợ thuần/VCSH (%)	(4.08)	(5.12)	(3.34)
ROAE (%)	49.8	44.4	39.8
ROACE (%)	53.3	47.7	44.2
EV/doanh thu (lần)	8.13	7.09	5.78
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.3	8.68	7.05
P/E ĐC (lần)	15.0	12.9	11.2
P/B (lần)	5.89	4.40	3.53
Lợi suất cổ tức (%)	2.07	3.45	3.45

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Được thành lập từ tháng 4/2008, nhà ga hàng hóa hàng không của SCS bắt đầu hoạt động từ tháng 10/2010. Hiện SCS là một trong hai nhà ga hàng hóa duy nhất tại sân bay Tân Sơn Nhất.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

KQKD Q2 khiêm tốn; kỳ vọng Q3 cải thiện

- Lợi nhuận thuần Q2/2022 của SCS đạt 153 tỷ đồng (tăng 3,9%) trong khi doanh thu thuần đi ngang là 209 tỷ đồng. KQKD Q2/2022 sát với dự báo của chúng tôi.
- Tổng sản lượng hàng hóa trong Q2/2022 giảm 10,2%, với sản lượng nội địa giảm 31,9% do chính sách 'zero COVID-19' của Trung Quốc và sản lượng quốc tế giảm 2,1% tăng trưởng toàn cầu chậm lại.
- HSC kỳ vọng lợi nhuận Q3/2022 sẽ tăng 20% nhờ tăng trưởng sản lượng hàng hóa. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào, dự báo và giá mục tiêu. SCS đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 12,0 lần, so với mức bình quân trong 3 năm qua là 14,9 lần (tính từ tháng 1/2019).

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2022

Ngày 20/7/2022, SCS đã công bố BCTC Q2/2022 với lợi nhuận thuần tăng nhẹ 3,9% so với cùng kỳ và doanh thu thuần đi ngang so với cùng kỳ, sát với dự báo của chúng tôi. Theo đó, lợi nhuận thuần và doanh thu thuần trong 6 tháng đầu năm 2022 đạt lần lượt 52% và 51% dự báo cả năm 2022 của chúng tôi. Những thông tin chính như sau:

Sản lượng hàng hóa giảm 10,2% do sản lượng nội địa sụt giảm

Tổng sản lượng hàng hóa xếp dỡ trong Q2/2022 của SCS là 55.435 tấn, giảm 10,2% so với cùng kỳ do sản lượng hàng hóa trong nước giảm mạnh xuống 11.462 tấn (giảm 31,9% so với cùng kỳ) trong khi sản lượng hàng hóa quốc tế giảm nhẹ xuống 43.973 tấn (giảm 2,1% so với cùng kỳ). Sản lượng hàng hóa sụt giảm chủ yếu do 2 nguyên nhân chính như sau:

- Thứ nhất, sản lượng hàng hóa trong nước của SCS giảm mạnh do đóng cửa biên giới với Trung Quốc để ngăn chặn đại dịch. Do đó, hàng hóa nội địa thường được vận chuyển từ Nam ra Bắc để xuất khẩu sang Trung Quốc qua các cửa khẩu đã giảm đáng kể lần lượt 31,9% và 33,3% so với cùng kỳ trong Q2/2022 và 6 tháng đầu năm 2022.
- Thứ hai, sản lượng hàng hóa quốc tế trong Q2/2022 của SCS giảm nhẹ 2,1% so với cùng kỳ do kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại do gián đoạn nguồn cung khí Trung Quốc áp dụng các biện pháp phong tỏa, xung đột kéo dài giữa Ukraina-Nga và lạm phát gia tăng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2022, SCS

Doanh thu thuần đi ngang so với cùng kỳ, và lợi nhuận thuần tăng nhẹ nhờ thu nhập tài chính tăng

Tỷ đồng	Q1/21	Q2/22	% y/y	6T/21	6T/22	%y/y
DTT	208.6	208.8	0.1%	404.7	454.7	12.4%
LN gộp	166.7	166.5	-0.1%	322.1	371.8	15.4%
Tỷ suất LN gộp	80%	80%		80%	82%	
Lãi/(lỗ) tài chính ròng	8.8	13.5	53.1%	15.8	25.8	62.9%
Chi phí BH&QL	16.3	14.9	-8.2%	31.2	30.2	-3.3%
LNTT	158.8	164.7	3.7%	305.8	366.2	19.8%
Lợi nhuận thuần	147.3	153.0	3.9%	284.6	340.5	19.7%

Nguồn: SCS, HSC

Sản lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không toàn cầu trong Q2/2022 cũng có xu hướng tương tự Việt Nam. Theo IATA (Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế), hệ số hàng hóa tấn-km (CTK) toàn cầu tăng 2,7% so với cùng kỳ trong 2 tháng đầu năm 2022 nhưng giảm lần lượt 5,2%, 9,1% và 8,3% so với cùng kỳ trong tháng 3, tháng 4 và tháng 5/2022, do những nguyên nhân đề cập ở trên.

Tuy nhiên, HSC kỳ vọng sản lượng hàng hóa sẽ cải thiện trong Q3/2022 nhờ (1) mức nền thấp cùng kỳ do miền Nam Việt Nam áp dụng các biện pháp phong tỏa từ tháng 7/2021 đến tháng 10/2021, và (2) Trung Quốc nới lỏng các biện pháp phong tỏa.

Doanh thu đi ngang so với cùng kỳ do phí xếp dỡ tăng và cơ cấu sản phẩm cải thiện

Mặc dù sản lượng sụt giảm, doanh thu thuần Q2/2022 vẫn đi ngang so với cùng kỳ là 209 tỷ đồng. Điều này chủ yếu là do phí xếp dỡ bình quân cải thiện nhờ những nguyên nhân sau:

- Cơ cấu sản phẩm cải thiện với tỷ trọng hàng hóa quốc tế trên tổng sản lượng tăng (79% trong Q2/2022 so với 73% trong Q2/2021). Lưu ý, bình quân phí xếp dỡ hàng hóa quốc tế của SCS thường cao hơn 4 lần so với bình quân phí xếp dỡ hàng hóa nội địa.
- Ký lại hợp đồng với giá tốt hơn với những khách hàng đến kỳ hạn tái tục hợp đồng.
- Đồng VND giảm giá so với đồng USD do SCS thường ký các hợp đồng thanh toán dựa trên đồng USD với khách hàng.

Thu nhập tài chính tăng thúc đẩy lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần Q2/2022 của SCS tăng nhẹ so với cùng kỳ đạt 153 tỷ đồng (tăng 3,9% so với cùng kỳ), chủ yếu nhờ thu nhập tài chính tăng lên 13,5 tỷ đồng (tăng 48,9% so với cùng kỳ) so với 8,8 tỷ đồng trong Q2/2021. Tiền mặt và các khoản đầu tư ngắn hạn của SCS tính đến cuối Q2/2022 đạt 732 tỷ đồng, tăng 36% so với đầu năm, nhờ lợi nhuận giữ lại tăng.

Lưu ý, SCS đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 3.000đ/cp cho năm 2021 (lợi suất cổ tức là 1,8%) trong Q2/2022 và dự kiến sẽ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 85% trong nửa cuối năm 2022. Trong Q2/2021, SCS đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 2 cho năm 2020 là 5.000đ/cp. Tổng mức cổ tức bằng tiền mặt SCS chi trả cho năm 2020 là 8.000đ/cp, tương đương lợi suất cổ tức là 6,0%. Mức cổ tức bằng tiền mặt trong năm 2021 giảm chủ yếu do Công ty có kế hoạch giữ lại lợi nhuận để đầu tư cho một số dự án, bao gồm giai đoạn 2 mở rộng, kế hoạch M&A và đầu tư vào cảng hàng hóa hàng không tại sân bay quốc tế Long Thành. (Mời xem: Báo cáo lần đầu của chúng tôi đối với SCS xuất bản vào ngày 18/7/2022, tiếng Anh).

HSC duy trì dự báo, giá mục tiêu và khuyến nghị Mua vào

Xin nhắc lại, sản lượng hàng hóa Q3/2021 của SCS giảm 15,6% so với cùng kỳ do ảnh hưởng từ các biện pháp phong tỏa, nhưng tăng 8,1% so với cùng kỳ trong Q4/2021, nhờ sản lượng quốc tế tăng 23% do nhiều doanh nghiệp phải vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không để đáp ứng thời hạn giao hàng sau khi nguồn cung bị gián đoạn kéo dài.

Do đó, với mức nền thấp trong Q3/2021, HSC hiện dự báo lợi nhuận thuần Q3/2022 sẽ tăng mạnh 20% so với cùng kỳ đạt 145 tỷ đồng, nhờ sản lượng hàng hóa tăng so với cùng kỳ (trở về mức bình thường).

Triển vọng Q4/2022 vẫn ổn định do Q4 thường là mùa cao điểm của ngành vận tải hàng không trước các kỳ nghỉ lễ. HSC dự báo lợi nhuận thuần Q4/2022 sẽ đạt 163 tỷ đồng, tăng 12,4% so với quý trước nhưng sẽ chỉ tăng nhẹ 3% so với cùng kỳ do mức nền cao của Q4 năm ngoái như đã đề cập ở trên.

HSC duy trì dự báo lợi nhuận thuần năm 2022 đạt 649 tỷ đồng (tăng trưởng 15,2%). Ngoài ra, chúng tôi dự báo lợi nhuận thuần năm 2023 và 2024 sẽ tăng trưởng lần lượt 15,2% và 24,4%.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu là 200.000đ (tiềm năng tăng giá là 37,9%). SCS đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 12,0 lần, thấp hơn 1,1 lần độ lệch chuẩn so với mức bình quân trong quá khứ là 14,9 lần (tính từ tháng 1/2019).

Bảng 2: Dự báo lợi nhuận theo quý, SCS

Chúng tôi dự báo lợi nhuận thuần Q3/2022 sẽ tăng trưởng 20% so với cùng kỳ

	Q1/22	Q2/22	Q3/22F	Q4/22F
Lợi nhuận thuần	187.53	152.96	145.00	163.61
% y/y	36.6%	3.9%	19.8%	2.9%

Nguồn: SCS, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Doanh thu	693	839	898	1,057	1,280
Lợi nhuận gộp	538	652	724	848	1,039
Chi phí BH&QL	(64.4)	(78.1)	(83.6)	(98.4)	(119)
Thu nhập khác	(2.21)	(1.84)	(1.97)	(2.32)	(2.81)
Chi phí khác	0.08	0.03	0.04	0.04	0.05
EBIT	499	605	697	831	1,032
Lãi vay thuần	28.0	33.5	58.2	83.7	115
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	499	605	697	831	1,032
Chi phí thuế TNDN	(34.9)	(41.7)	(48.0)	(83.1)	(103)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	464	564	649	748	929
Lợi nhuận thuần ĐC	432	524	604	696	864
EBITDA ĐC	553	660	733	867	1,068
EPS (đồng)	8,480	10,425	12,097	14,029	17,576
EPS ĐC (đồng)	7,840	9,648	11,201	12,997	16,295
DPS (đồng)	8,000	3,000	5,000	5,000	5,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	50.7	50.7	50.7	50.7	50.7
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	50.7	50.7	50.7	50.7	50.7
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	50.7	50.7	50.7	50.7	50.7

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Tiền & tương đương tiền	36.1	57.9	92.9	78.3	81.9
Đầu tư ngắn hạn	201	480	898	1,163	1,728
Phải thu khách hàng	236	312	326	384	464
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Các tài sản ngắn hạn khác	9.77	1.30	1.40	1.64	1.99
Tổng tài sản ngắn hạn	483	851	1,318	1,627	2,277
TSCĐ hữu hình	450	411	381	513	484
TSCĐ vô hình	1.98	0.72	0.13	(0.92)	(1.96)
Bất động sản đầu tư	92.6	85.4	78.2	71.0	63.9
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	67.2	66.7	71.3	83.6	101
Tổng tài sản dài hạn	612	564	531	667	647
Tổng cộng tài sản	1,094	1,416	1,849	2,294	2,924
Nợ ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phả trả người bán	4.99	7.52	8.06	9.48	11.5
Nợ ngắn hạn khác	64.3	129	138	163	197
Tổng nợ ngắn hạn	74.0	164	176	207	251
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	4.56	1.80	1.93	2.27	2.74
Tổng nợ dài hạn	4.56	1.80	1.93	2.27	2.74
Tổng nợ phải trả	78.6	166	178	209	254
Vốn chủ sở hữu	1,016	1,249	1,671	2,084	2,670
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,016	1,249	1,671	2,084	2,670
Tổng nợ phải trả và VCSH	1,094	1,416	1,849	2,294	2,924
BVPS (đ)	20,016	24,619	32,938	41,072	52,616
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(36.1)	(57.9)	(92.9)	(78.3)	(81.9)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
EBIT	499	605	697	831	1,032
Khấu hao	(53.5)	(54.4)	(36.3)	(36.3)	(36.3)
Lãi vay thuần	28.0	33.5	58.2	83.7	115
Thuế TNDN đã nộp	0	(23.4)	(48.0)	(83.1)	(103)
Thay đổi vốn lưu động	(12.2)	4.76	(6.93)	(40.0)	(56.1)
Khác	(27.5)	(32.8)	0.30	0.82	1.15
LCT thuần từ HKKD	504	591	662	728	893
Đầu tư TS dài hạn	(3.58)	(5.59)	(7.18)	(168)	(7.32)
Góp vốn & đầu tư	(603)	(1,170)	(432)	(284)	(592)
Thanh lý	473	846	0	0	0
Khác	26.5	32.0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(107)	(298)	(439)	(453)	(599)
Cổ tức trả cho CSH	(439)	(271)	(187)	(290)	(290)
Thu từ phát hành CP	12.2	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	0	0	0	0	0
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(427)	(271)	(187)	(290)	(290)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	66.1	36.1	57.9	92.9	78.3
LCT thuần trong kỳ	(29.8)	22.4	35.0	(14.5)	3.53
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.30)	(0.52)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	36.0	57.9	92.9	78.3	81.9
Dòng tiền tự do	500	586	655	560	886

Các chỉ số tài chính	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	77.6	77.7	80.6	80.2	81.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	79.8	78.6	81.6	82.0	83.4
Tỷ suất LNT (%)	67.0	67.2	72.2	70.7	72.5
Thuế TNDN hiện hành (%)	7.00	6.89	6.89	10.0	10.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(7.37)	21.1	7.07	17.7	21.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(6.78)	19.4	11.2	18.2	23.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(7.54)	21.4	15.2	15.2	24.2
Tăng trưởng EPS (%)	(8.38)	22.9	16.0	16.0	25.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(8.39)	23.1	16.1	16.0	25.4
Tăng trưởng DPS (%)	-	(62.5)	66.7	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	94.3	28.8	41.3	35.6	28.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	46.0	49.8	44.4	39.8	39.1
ROACE (%)	49.2	53.3	47.7	44.2	43.4
Vòng quay tài sản (lần)	0.64	0.67	0.55	0.51	0.49
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.01	0.98	0.95	0.88	0.87
Số ngày tồn kho	0	0	0	0	0
Số ngày phải thu	555	608	683	668	701
Số ngày phải trả	11.7	14.6	16.9	16.5	17.3
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(3.50)	(4.08)	(5.12)	(3.34)	(2.67)
Nợ/tài sản (%)	0.05	0.48	0.40	0.38	0.36
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.00	0.01	0.01	0.01	0.01
Chỉ số TT hiện thời (lần)	6.52	5.18	7.49	7.85	9.08
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	10.3	8.13	7.09	5.78	4.33
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.9	10.3	8.68	7.05	5.19
P/E (lần)	17.1	13.9	12.0	10.3	8.25
P/E ĐC (lần)	18.5	15.0	12.9	11.2	8.90
P/B (lần)	7.24	5.89	4.40	3.53	2.76
Lợi suất cổ tức (%)	5.52	2.07	3.45	3.45	3.45

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn